TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2021/HS-ST
Ngày 20-7-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62 /2021/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2021/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị B, sinh năm 1967 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 40/229 H, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc C và bà Đỗ Thị M (đã chết); có chồng là Đào Minh T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 12/01/2021 đến ngày 14/01/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

2. Vũ Thị A, sinh năm 1954 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 29/229 H, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn L và bà Lê Thị M (đều đã chết); có chồng là Phạm Gia L và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/01/2021 đến ngày 14/01/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

3. Đào Thị L, sinh năm 1988 tại Hà Nội. Nơi cư trú: Số 29/229 H, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp

12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn L và bà Đặng Thị T; có chồng là Phạm Tuấn N và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/01/2021 đến ngày 14/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

4. Phạm Tuấn N, sinh năm 1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 29/229 H, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Gia L và bà Vũ Thị A; có vợ là Đào Thị L và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/01/2021 đến ngày 14/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

5. Vũ Thị Bích D, sinh năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Số 29/229 H, phường H, quận Lê Chân, Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 17A/51/229 H, phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Bá Toàn và bà Trần Thị Bình; có chồng là Phạm Thắng Thế và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/01/2021 đến ngày 14/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05/01/2021, tổ công tác của Đội Cảnh sát hình sự Công A quận Lê Chân trong khi làm nhiệm vụ tại khu vực trước cửa nhà số 29/229 H, quận Lê Chân, Hải Phòng phát hiện, bắt quả tang Vũ Thị A, Phạm Tuấn N, Đào Thị L, Vũ Thị Bích D, Trần Đức Tuân đang đánh bạc dưới hình thức mua bán số đề. Thu giữ tại chỗ Đào Thị L và Phạm Tuấn N ngồi 02 tem đề; tại chỗ Vũ Thị A và Vũ Thị Bích D ngồi 03 bảng đề và 39 tem đề. Tổ công tác đã đưa A, N, Lê, D và Tuân cùng vật chứng về trụ sở Công A quận lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra, còn thu giữ của A số tiền 3.650.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, thu giữ của Lê số tiền 920.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Thị A, Phạm Tuấn N, Đào Thị L, Vũ Thị Bích D đều khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 05/01/2021, Lê ra khu vực trước cửa nhà số 29/229 H, quận Lê Chân Hải Phòng để bán nước và bán số đề. Khi có người mua, Lê ghi số đề, bao, xiên, ba càng lên tem được in mẫu sẵn, đồng thời đặt giấy than xuống dưới tem chính để in ra tờ tem phụ. Tiền trong tem đề được ghi giảm xuống 1000 lần so với thực tế. Tem chính, L đưa cho người chơi, còn tem phụ L đưa cho A và D vào bảng đề để làm căn cứ xác định người và số tiền trúng thưởng. Kết quả trúng thưởng được căn cứ vào giải thưởng xổ số Miền Bắc mở thưởng hàng ngày. Cơ cấu giải thưởng được xác định như sau: số đề được so với 02 số cuối của

giải đặc biệt, ba càng so 03 số cuối của giải đặc biệt, bao và xiên so với 02 số cuối của tất cả các giải, để trúng xiên thì tất cả các số xiên đồng thời xuất hiện trong kết quả mở thưởng ngày hôm đó. Nếu trúng, người chơi được trả mức thưởng như sau: Đề được gấp 92 lần so với số tiền người chơi mua đề; tương tự bao được gấp 3,5 lần; ba càng được gấp 400 lần, xiên 2 được gấp 15 lần, xiên 3 được gấp 48 lần, xiên 4 được gấp 180 lần so với số tiền người chơi mua số bao, xiên, ba càng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút, trong khi L bán số đề cho khách thì có người hỏi mua nước nên Lê nhờ chồng là N ghi hộ 03 tem đề với tổng số tiền là 2.310.000 đồng. L và N ghi tem đề xong thì chuyển vào trong nhà để A vào bảng đề còn D vào bảng bao, xiên và ba càng. Sau khi vào bảng đề, A chuyển bảng đề này cho Trần Thị B để hưởng phần trăm hoa hồng. Cụ thể: A được hưởng 6,5% số tiền bán đề, 7,5% số tiền bán bao, 20% số tiền bán xiên và 38% số tiền bán ba càng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, trong lúc Lê đang bán số đề cho Trần Đức Tuân thì bị lực lượng Công A kiểm tra bắt giữ cùng tang vật như nội dung nêu trên. Lúc này, A đã vào bảng được 38/39 tem đề cùng các số đề người chơi mua qua điện thoại, với tổng số tiền là 19.110.000 đồng, 01 tem chưa vào bảng là 100.000 đồng, Lê đang ghi số đề bán cho Tuân (gồm 01 tem chính và 01 tem in giấy than) có số tiền là 100.000 đồng, A chưa kịp vào bảng. Ngày 05/01/2021, A chưa chuyển bảng đề cho B. Ngoài ra, A và L khai không nhớ đã bán số đề cho những ai và bán cho bao nhiêu người. N khai hàng ngày có ghi đề hộ Lê khi Lê có nhiều khách.

Trần Đức Tuân khai: Khoảng 17 giờ ngày 05/1/2021, Tuân đi làm về đến khu vực nhà số 29/229 H thì thấy Đào Thị L ngồi bán đề. Tuân hỏi mua số đề 92 với số tiền 40.000 đồng, số đề 93, 94 với số tiền 30.000 đồng/số. Khi Lê đang ghi số đề, Tuân chưa kịp đưa tiền cho Lê và cũng chưa nhận tem đề của Lê thì lực lượng Công A kiểm tra, bắt giữ.

Ngày 12/01/2021, Trần Thị B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công A quận Lê Chân đầu thú. Tại Cơ quan điều tra B khai: Hàng ngày, B bán nước và số đề cho một đối tượng tên Quý (hiện chưa xác được căn cước lai lịch) tại khu vực trước cửa nhà số 40/229 H, quận Lê Chân, Hải Phòng để được hưởng phần trăm số tiền bán đề, bao, xiên, ba càng. Cụ thể: đề được 07%, bao được 7,5%, xiên được 22%, ba càng được 40%. Ngoài việc trực tiếp bán, B còn thu thêm bảng đề của Vũ Thị A để hưởng phần trăm hoa hồng chênh lệch. Sau khi nhận bảng đề của A thì Quý đến nhà B thu bảng đề của A và số đề, bao, xiên, ba càng B bán. Sáng hôm sau, Quý quay lại nhà B thanh toán tiền bảng đề đã thu. Ngoài ra, B khai không nhớ đã bán số đề cho những ai và bán cho bao nhiêu người.

Tại Bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 26/5/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Trần Thị B, Vũ Thị A, Phạm Tuấn N, Đào Thị L, Vũ Thị Bích D về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" như nội dung bản cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị B mức án từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng đối với bị cáo B. Phạt tiền bị cáo 10.000.000 (Mười triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị A mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng đối với bị cáo A. Phạt tiền bị cáo 10.000.000 (Mười triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Thị L mức án từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn N mức án từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị Bích D mức án từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghi HĐXX tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max (Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội); số tiền 3.650.000 (Ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng thu giữ của bị cáo A và 920.000 (Chín trăm hai mươi ngàn) đồng thu giữ của bị cáo L (là tiền do phạm tội mà có).

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí lệ phí của Tòa án: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát luận tội, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và tại lời nói sau cùng các bị cáo xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công A Quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa; lời khai đó thể hiện: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 05/01/2021, Trần Thị B, Vũ Thị A, Phạm Tuấn N, Đào Thị L, Vũ Thị Bích D cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức mua bán số đề với tổng số tiền dùng để đánh bạc được xác định là 19.310.000 (Mười chín triệu ba trăm mười ngàn) đồng và bị bắt quả tang tại khu vực trước cửa nhà số 29/229 H, phường H, quận Lê Chân, Hải Phòng.

[3] Như vậy hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã gây mất trật tự trị A xã hội nên cần xử lý nghiêm.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Vụ án có đồng phạm là đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo cùng tham gia đánh bạc: Bị cáo B ngoài việc là người trực tiếp bán đề, B còn thu thêm bảng đề của bị cáo A để hưởng % chênh lệch nên bị cáo B phải chịu mức hình phạt cao nhất; bị cáo A bán thuê cho B chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo B nhưng cao hơn các bị cáo L, N và D; các bị cáo

L, N và D đều là người giúp sức cho bị cáo A bán đề nên chịu mức hình phạt ngang nhau và thấp hơn bị cáo A và bị cáo B.

- Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Nhân thân các bị cáo: Trần Thị B, Vũ Thị A, Phạm Tuấn N, Đào Thị L, Vũ Thị Bích D đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Trần Thị B sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 65 BLHS đối với bị cáo B và bị cáo A; áp dụng Điều 36 BLHS đối với các bị cáo L, N và D, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung là có căn cứ, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung:

[7] Xét các bị cáo Trần Thị B và Vũ Thị A thực hiện hành vi đánh bạc nhằm mục đích lợi nhuận. Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền mỗi bị cáo 10.000.000 (Mười triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước

[8] Đối với các bị cáo Phạm Tuấn N, Đào Thị L, Vũ Thị Bích D không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[9] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max thu giữ của bị cáo A. Xét đây là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[10] Đối với số tiền 3.650.000 (Ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng thu giữ của bị cáo A và 920.000 (Chín trăm hai mươi ngàn) đồng thu giữ của bị cáo L. Xét đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Về các vấn đề khác:

[11] Đối với nam giới tên Quý là người nhận bảng đề của Trần Thị B và một số người mua đề, quá trình điều tra chưa xác định được căn cước, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục để điều tra, xử lý sau.

[12] Đối với Trần Đức Tuân là người mua số đề của Đào Thị L, quá trình điều tra xác định số tiền Tuân sử dụng để đánh bạc là 100.000 đồng nên Công A quận Lê Chân đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Tuân.

- Về án phí hình sự sơ thẩm:

[13] Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Thị B 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (năm triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Trần Thị B cho Uỷ ban nhân dân phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Thị A 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Thị A cho Uỷ ban nhân dân phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (bị cáo Trần Thị B và bị cáo Vũ Thị A) cố ý vi phạm N vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đào Thị L 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Bị cáo được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ (từ ngày 06/01/2021 đến 14/01/2021), (quy đổi cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo

không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đào Thị L cho Ủy ban nhân dân phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Tuấn N 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Bị cáo được trừ 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ (từ ngày 06/01/2021 đến 14/01/2021), (quy đổi cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Tuấn N cho Ủy ban nhân phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Thị Bích D12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Bị cáo được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ (từ ngày 06/01/2021 đến 14/01/2021), (quy đổi cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Vũ Thị Bích D cho Ủy ban nhân phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hủy các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 144, 145, 146, 147, 148/2021/L-TA ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân đối với các bị cáo Trần Thị B, Vũ Thị A, Đào Thị L, Phạm Tuấn N, Vũ Thị Bích D.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng (Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội); số tiền 3.650.000 (Ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng thu giữ của bị cáo A và 920.000 (Chín trăm hai mươi ngàn) đồng thu giữ của bị cáo L (tiền do phạm tội mà có)

(Số tiền này đã được nộp vào Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân theo biên lai thu tiền số 0006308 ngày 27/5/2021).

Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/5/2021 giữa Cơ quan Công A quận Lê Chân và Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo: Trần Thị B, Vũ Thị A, Phạm Tuấn N, Đào Thị L, Vũ Thị Bích D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND quận Lê Chân;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công A quận Lê Chân;
- Cơ quan THAHS Công A quận Lê Chân;
- UBND phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- PV06, PC10 Công A TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Phong Lan